

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐÁNH GIÁ ĐỒNG ĐẲNG CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC SINH HỌC 11

Phạm Thị Hương

Trường Đại học Vinh

Email: phamhuongdhv@gmail.com

Article history

Received: 12/4/2023

Accepted: 19/5/2023

Published: 20/6/2023

Keywords

Training, peer assessment, skills, Biology, high school

ABSTRACT

Formative assessment is one of the most commonly used forms of assessment today, in which peer assessment is an assessment form that offers many advantages. However, at present, peer assessment has not really been widely applied in high schools due to students' lack of peer-assessment skills and teachers' hesitation in applying this technique at schools. This study provides a process to train students in peer assessment skills in teaching Biology 11. The effectiveness of the training process was verified through a controlled pedagogical experiment on 146 students at Dong Xoai High School, Binh Phuoc province. Consequently, this study recommends that peer-assessment be widely applied in teaching Biology in particular and teaching in general.

1. Mở đầu

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được ban hành đặt ra yêu cầu hình thành phẩm chất và phát triển năng lực cho HS. Để đạt được yêu cầu đó, cần thiết phải đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra - đánh giá người học. Trong đó, đổi mới hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình dạy học (Bộ GD-ĐT, 2018). Boud và cộng sự (1999) nhận thấy rằng, HS sẽ nỗ lực nhiều hơn trong học tập thông qua việc tham gia vào các hoạt động đánh giá đồng đẳng (ĐGDĐ), do đó nỗ lực này cần phải được công nhận; bên cạnh đó, HS có thể giúp đỡ lẫn nhau để hiểu được những lỗ hổng trong học tập của chính mình.

Áp dụng ĐGDĐ là một bước tiến quan trọng để HS tiến dần đến khả năng tự đánh giá bản thân, qua đó phát triển năng lực tự chủ, tự điều chỉnh một cách tốt nhất. Việc đánh giá HS tại các trường phổ thông hiện nay còn nhiều hạn chế, chưa xác định rõ vai trò của đánh giá quá trình trong dạy học, chưa hiểu rõ về triết lý đánh giá: đánh giá để làm gì, tại sao phải đánh giá, đánh giá nhằm thúc đẩy, hình thành kĩ năng gì ở HS?... mà chủ yếu mới chỉ tập trung vào đánh giá kết quả học tập, để xếp loại HS, cho điểm. Mặc dù trong hầu hết các công trình nghiên cứu đã bàn về chủ đề chiến lược giảng dạy, đánh giá trong giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục, nhưng chưa đưa ra cách thức cụ thể đánh giá người học theo hướng tiếp cận năng lực và cũng chưa đưa ra phương pháp cụ thể đánh giá trong quá trình dạy học. Đặc biệt, đối với môn Sinh học, các công trình nghiên cứu về rèn luyện kĩ năng ĐGDĐ còn khá hạn chế. Bài báo trình bày khái niệm, cấu trúc của kĩ năng ĐGDĐ; từ đó đề xuất quy trình rèn luyện cho HS kĩ năng ĐGDĐ trong dạy học Sinh học 11 nhằm phát huy tính tích cực chủ động của người học, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về kĩ năng đánh giá đồng đẳng

2.1.1. Khái niệm "kĩ năng đánh giá đồng đẳng"

Có nhiều tác giả nghiên cứu và đưa ra khái niệm ĐGDĐ. Theo Topping (2009), ĐGDĐ là một hình thức đánh giá có sự tham gia của HS trong một lớp, HS sẽ cung cấp các phản hồi về các nhiệm vụ của bạn cùng nhóm. Theo Lê Thị Tuyết Hằng và Lê Thanh Oai (2019), kĩ năng ĐGDĐ của HS là khả năng thu nhận thông tin thông qua các sản phẩm học tập của bạn học, dựa vào các tiêu chí cụ thể, đưa ra những nhận xét về sự tiến bộ hoặc mức độ đạt được mục tiêu của bạn học. Từ đó, giúp bạn đưa ra những quyết định phù hợp nhằm khắc phục điểm yếu, phát huy điểm mạnh và điều chỉnh nhằm tiến bộ hơn trong học tập cho bản thân và bạn cùng học. Ngoài ra, một số nghiên cứu trong nước cũng đưa ra các khái niệm khác nhau về ĐGDĐ như Nguyễn Thị Dung (2016), Cao Thị Sông Hương (2016), Nguyễn Thị Thành Vân (2016)... Trên cơ sở các nghiên cứu này, chúng tôi cho rằng: *Kĩ năng ĐGDĐ ở HS là khả năng thu nhận thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao của bạn cùng nhóm, dựa vào tiêu chí đã được cho trước có thể đưa ra nhận xét, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của bạn; từ đó, đưa ra quyết định phù hợp cho bản thân và bạn để cùng tiến bộ.*

2.1.2. Cấu trúc kỹ năng đánh giá đồng đẳng của học sinh

Dựa trên cấu trúc kỹ năng ĐGDĐ của Lê Thị Tuyết Hằng và Lê Thanh Oai (2019), chúng tôi đề xuất rubric đánh giá kỹ năng ĐGDĐ của HS thể hiện trong bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Rubric đánh giá kỹ năng ĐGDĐ của HS

| Tiêu chí | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 3 |
|--|---|---|---|
| Thu nhận thông tin | <ul style="list-style-type: none"> - HS không quan sát được hoặc không biết cách quan sát sản phẩm, bài thuyết trình, bài tập về nhà về kiến thức, thái độ, kỹ năng của bạn/nhóm bạn khi tham gia hoạt động nhóm, làm thực nghiệm (TN), thuyết trình. - HS chưa thu thập được thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ của bạn/ nhóm bạn. | <ul style="list-style-type: none"> - HS biết cách quan sát sản phẩm, bài thuyết trình, bài tập về nhà về kiến thức, thái độ, kỹ năng của bạn/nhóm bạn khi tham gia hoạt động nhóm, làm TN, thuyết trình. - HS chưa thu thập được thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ của bạn/ nhóm bạn. | <ul style="list-style-type: none"> - HS biết cách quan sát sản phẩm, bài thuyết trình, bài tập về nhà về kiến thức, thái độ, kỹ năng của bạn/nhóm bạn khi tham gia hoạt động nhóm, làm TN, thuyết trình. - HS thu thập được thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ của bạn/ nhóm bạn. |
| Rút ra nhận xét | <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét, chấm điểm quá trình tạo sản phẩm của bạn/nhóm bạn dựa trên tiêu chí. - HS không so sánh thông tin thu thập được từ bạn học với các tiêu chuẩn để đưa ra thông tin phản hồi về thành quả bạn đạt được, xác định hạn chế của bạn học, xác định điểm mạnh của bạn học. - HS không đưa ra được thông tin phản hồi chính xác, cụ thể, chi tiết. | <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét, chấm điểm quá trình tạo sản phẩm của bạn/nhóm bạn dựa trên tiêu chí. - HS so sánh thông tin thu thập được từ bạn học với các tiêu chuẩn để đưa ra thông tin phản hồi về thành quả bạn đạt được, xác định hạn chế của bạn học, xác định điểm mạnh của bạn học. - HS không đưa ra được thông tin phản hồi chính xác, cụ thể, chi tiết. | <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét, chấm điểm quá trình tạo sản phẩm của bạn/nhóm bạn dựa trên tiêu chí. - HS so sánh thông tin thu thập được từ bạn học với các tiêu chuẩn để đưa ra thông tin phản hồi về thành quả bạn đạt được, xác định hạn chế của bạn học, xác định điểm mạnh của bạn học. - HS đưa ra được thông tin phản hồi chính xác, cụ thể, chi tiết. |
| Định hướng cách thức điều chỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - HS xác định được những nguyên nhân chính gây ra hiện trạng về câu trả lời, sản phẩm của bạn/ nhóm bạn, rút ra sai lầm mà bạn mắc phải. - HS không đề xuất được các biện pháp khắc phục điểm yếu, khó khăn mà bạn mắc phải, không làm thay đổi thực trạng theo hướng mục tiêu học tập đã đề ra. - HS không học hỏi được các điểm mạnh của bạn, không đề xuất được các biện pháp cải tiến chất lượng việc học của bản thân. | <ul style="list-style-type: none"> - HS xác định được những nguyên nhân chính gây ra hiện trạng về câu trả lời, sản phẩm của bạn/ nhóm bạn, rút ra sai lầm mà bạn mắc phải. - HS đề xuất được các biện pháp khắc phục điểm yếu, khó khăn mà bạn mắc phải, làm thay đổi thực trạng theo hướng mục tiêu học tập đã đề ra. - HS không học hỏi được các điểm mạnh của bạn, không đề xuất được các biện pháp cải tiến chất lượng việc học của bản thân. | <ul style="list-style-type: none"> - HS xác định được những nguyên nhân chính gây ra hiện trạng về câu trả lời, sản phẩm của bạn/ nhóm bạn, rút ra sai lầm mà bạn mắc phải. - HS đề xuất được các biện pháp khắc phục điểm yếu, khó khăn mà bạn mắc phải, làm thay đổi thực trạng theo hướng mục tiêu học tập đã đề ra. - HS học hỏi được các điểm mạnh của bạn, đề xuất được các biện pháp cải tiến chất lượng tự học của bản thân. |

2.2. Quy trình rèn luyện kỹ năng đánh giá đồng đẳng

Có nhiều tác giả đưa ra quy trình rèn luyện kỹ năng ĐGDĐ cho HS, dựa trên quy trình của tác giả Lê Thị Tuyết Hằng và Lê Thanh Oai (2019), chúng tôi đồng đưa ra quy trình gồm 4 bước như sau:

- *Bước 1. Thực hiện nhiệm vụ:* GV giao nhiệm vụ học tập cho HS, đề ra yêu cầu cần đạt của mỗi nhiệm vụ, khuyến khích HS hình thành động cơ học tập để đạt được mục tiêu. HS tiến hành thực hiện nhiệm vụ được giao bằng bài tập, dự án, sản phẩm thực hành. HS có thể thực hiện nhiệm vụ học tập theo cá nhân, theo nhóm tại lớp hoặc ở nhà. GV tổ chức hoạt động, giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo ổn định tổ chức, công bằng, đúng thời gian, có biện pháp điều chỉnh kịp thời đảm bảo HS thực hiện nhiệm vụ tự lực độc lập và sáng tạo.

- *Bước 2. Đánh giá, nhận xét thành viên nhóm:* HS nhận xét, chấm điểm quá trình tạo sản phẩm của bạn/nhóm bạn dựa trên tiêu chí được GV giao; so sánh thông tin thu thập được từ bạn học với các tiêu chuẩn để đưa ra thông tin phản hồi về: thành quả bạn đạt được, xác định hạn chế của bạn học, xác định điểm mạnh của bạn học. GV cung

cấp đáp án, các tiêu chí đánh giá (rubric), bảng kiểm một cách cụ thể để HS tiến hành đánh giá. Nếu HS chưa biết cách sử dụng, GV phải hướng dẫn. Ở mức độ cao hơn, GV cùng hướng dẫn HS xây dựng đáp án, tiêu chí đánh giá.

- *Bước 3. Công bố kết quả, thảo luận:* HS công bố kết quả cho bạn/ nhóm bạn; tiến hành cùng nhau thảo luận về cách đánh giá đúng/sai, điểm mạnh, điểm yếu, biện pháp khắc phục đã hợp lý chưa, đảm bảo công bằng khách quan chưa; đưa ra mức độ đánh giá chính xác nhất. GV tổ chức cho HS trao đổi, đối thoại trực tiếp đảm bảo sự công bằng chính xác; đưa ra nhận xét về cách thức đánh giá của bạn/nhóm bạn đã được chưa và điều chỉnh nếu cần.

- *Bước 4. Tự điều chỉnh:* HS xác định những nguyên nhân chính gây ra hiện trạng về câu trả lời, sản phẩm của bạn/nhóm bạn, rút ra sai lầm mà bạn mắc phải; đề xuất các biện pháp khắc phục điểm yếu, khó khăn mà bạn mắc phải, làm thay đổi thực trạng theo hướng mục tiêu học tập đã đề ra; học hỏi các điểm mạnh của bạn; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng việc học của bản thân. GV gợi ý HS đưa ra định hướng về cách học và thái độ học tập, cách phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu một cách hợp lý; tiếp tục giao nhiệm vụ để HS thực hiện.

Mình họa quy trình thông qua ví dụ sau đây: Rèn luyện kỹ năng ĐGĐĐ trong dạy kiến thức mới mục “**II. Sinh trưởng sơ cấp và Sinh trưởng thứ cấp**”, bài 34, Sinh học 11.

Phương pháp dạy học theo nhóm

Kỹ thuật dạy học: Kỹ thuật phòng tranh.

Dự kiến thời gian: 25 phút

- *Bước 1. Thực hiện nhiệm vụ:*

+ GV giao nhiệm vụ cho các nhóm (chuẩn bị trước khi vào tiết học):

Câu 1: Sưu tầm các mẫu vật thật, hình ảnh về các loại mô phân sinh, chú thích vào hình ảnh sưu tầm được về các loại mô phân sinh, nêu vị trí và giải thích đặc điểm của mỗi loại.

Câu 2: Phân biệt sinh trưởng sơ cấp và sinh trưởng thứ cấp.

| Nội dung | Sinh trưởng sơ cấp | Sinh trưởng thứ cấp |
|------------------------|--------------------|---------------------|
| Khái niệm | | |
| Mô phân sinh thực hiện | | |
| Có ở thực vật | | |
| Kết quả | | |

Câu 3: Trưng bày sản phẩm và báo cáo ở tiết học sau (theo kỹ thuật phòng tranh).

+ HS nhận nhiệm vụ, phân công nhóm trưởng, nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ GV phổ biến tiêu chí chấm sản phẩm để HS định hướng trong quá trình làm.

+ HS tiến hành thực hiện nhiệm vụ học tập:

* Thời gian trước tiết học: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo sự phân công, GV giám sát, hướng dẫn điều chỉnh nếu cần

* Trong tiết học: GV tổ chức cho HS thảo luận, tổng hợp ý kiến và kết quả theo nhóm, trưng bày sản phẩm theo kỹ thuật phòng tranh; HS thực hiện trao đổi, thống nhất kết quả, trưng bày sản phẩm.

- *Bước 2. Đánh giá, nhận xét thành viên nhóm:*

+ GV cung cấp tiêu chí và đáp án (bảng rubric và đáp án), hướng dẫn HS quan sát phòng tranh và đánh giá, chấm điểm; quan sát hỗ trợ nếu cần.

+ HS thực hiện đánh giá cho sản phẩm của nhóm bạn dựa trên tiêu chí GV cung cấp.

- *Bước 3. Công bố kết quả, thảo luận:*

+ GV tổ chức cho từng nhóm công bố kết quả chấm của từng nhóm cho nhóm khác, theo dõi và điều chỉnh nếu cần.

+ HS công bố kết quả nhận xét, ưu nhược điểm của nhóm bạn; các nhóm phản hồi nhận xét, kết luận.

- *Bước 4. Tự điều chỉnh:*

+ GV gợi ý HS đưa ra định hướng về cách học và thái độ học tập, cách phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của các nhóm.

+ HS xác định những nguyên nhân chính gây ra hiện trạng về câu trả lời, sản phẩm của bạn cùng nhóm, rút ra sai lầm mà bạn mắc phải; đề xuất các biện pháp khắc phục điểm yếu, khó khăn; học hỏi các điểm mạnh của bạn, đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng việc học của bản thân.

2.3. Thực nghiệm sư phạm đánh giá hiệu quả của việc rèn luyện kỹ năng đánh giá đồng đẳng cho học sinh

2.3.1. Phương án thực nghiệm

Để đánh giá hiệu quả của việc rèn luyện kỹ năng ĐGĐĐ cho HS trong dạy học Sinh học 11, chúng tôi tiến hành TN sư phạm có đối chứng (ĐC) trên 4 lớp 11 với tổng số 146 HS của Trường THPT Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Thời gian TN: tháng 3-4/2022. Các lớp TN có điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, trình độ HS, tỉ lệ nam/nữ tương đối đồng đều. GV dạy TN có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy với thâm niên đứng lớp trên 5 năm và sẵn sàng tham gia vào quá trình TN một cách tự nguyện. Chúng tôi tiến hành gặp gỡ, trao đổi và thống nhất với GV dạy TN về mục đích, nội dung và các yêu cầu khác của quá trình TN, sau đó tiến hành tổ chức dạy học theo quy trình đã đề xuất.

Nội dung chọn dạy TN là phần “Sinh trưởng và phát triển” (Sinh học 11).

Để đánh giá tính hiệu quả của việc rèn luyện kỹ năng ĐGĐĐ cho HS, trong quá trình TN và sau khi TN, chúng tôi tiến hành đánh giá việc lĩnh hội kiến thức của HS và khảo sát mức độ các tiêu chí của kỹ năng ĐGĐĐ của HS khi GV có tác động ở lớp TN thông qua các bài kiểm tra kiến thức và đánh giá kỹ năng ĐGĐĐ thông qua các câu hỏi. Để kiểm định độ tin cậy của điểm số thu được trong các lần đánh giá trước thực nghiệm (TTN), sau thực nghiệm (STN), chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS để phân tích và xử lý số liệu thu thập được.

2.3.2. Kết quả thực nghiệm

- Về mức độ lĩnh hội kiến thức phần “Sinh trưởng và phát triển” (Sinh học 11) của HS: Để kiểm định độ tin cậy của điểm số thu được trong quá trình TN, chúng tôi đã sử dụng phần mềm Excel Office 365 và kiểm chứng sự sai khác về điểm trung bình bằng SPSS 22.0. Kết quả thu được như sau (xem bảng 2 và bảng 3):

Bảng 2. Tổng hợp các thống kê đặc trưng bằng phần mềm Excel Office 365

| Một số thông số | Lớp ĐC | | Lớp TN | |
|--------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | TTN | STN | TTN | STN |
| Số lượng HS | 86 | 86 | 83 | 83 |
| Giá trị trung bình | 5.83 | 5.90 | 5.87 | 6.69 |
| Phương sai | 3.36 | 3.08 | 3.27 | 3.87 |
| Độ lệch chuẩn | 1.82 | 1.75 | 1.80 | 1.96 |

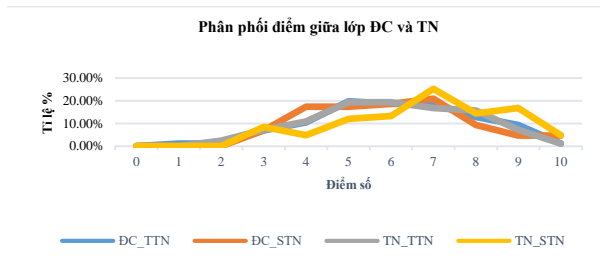
Bảng 3. Tổng hợp các thống kê đặc trưng bằng SPSS 22.0

| | |
|----------------------------|---------|
| Kiểm định t-test (2 chiều) | p-value |
| ĐC_TTN và TN_TTN | 0.8976 |
| ĐC_TTN và ĐC_STN | 0.8155 |
| TN_TTN và TN_STN | 0.0058* |

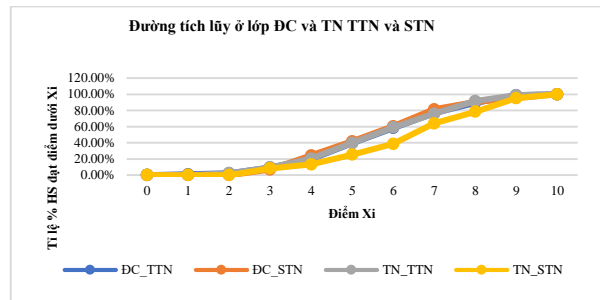
Kết quả phân tích ở 86 mẫu ĐC và 83 mẫu TN cho thấy, giá trị về điểm trung bình của các lớp dao động từ 5.83-6.69, trong đó giá trị trung bình thấp nhất là lớp ĐC, TTN (ĐC_TTN), cao nhất là lớp TN, STN (TN_STN). Các giá trị phương sai dao động từ 3.36 tới 3.87, độ lệch chuẩn dao động từ 1.75 tới 1.96 cho thấy mức độ biến thiên của các mẫu là khá đồng đều. Kết quả phân tích kiểm định cho thấy không có sự sai khác có ý nghĩa thống kê giữa lớp ĐC và thực nghiệm trước khi tiến hành TN (t-test, $p=0.8976$), kết quả này thể hiện việc lựa chọn lớp ĐC và TN là phù hợp cho nghiên cứu. Bên cạnh đó, kết quả phân tích kiểm định t-test của lớp ĐC trước và STN cũng cho thấy, không có sự sai khác ý nghĩa (t-test, $p=0.8155$). Kết quả này là hợp lý vì thực tế không có tác động nào được tiến hành ở lớp ĐC. Tuy nhiên, giá trị trung bình về điểm số STN ở lớp TN (6.69) cao hơn có ý nghĩa thống kê so với TTN ở lớp TN (5.87), STN ở lớp TN (t-test, $p=0.0058$). Kết quả này liên quan đến việc sử dụng các quy trình, biện pháp rèn luyện kỹ năng ĐGĐĐ đã tác động đến việc thay đổi điểm số một cách tích cực ở lớp TN.

Sử dụng phần mềm SPSS20 và Excel Office 365 để tính tỉ lệ % tích lũy điểm x_i qua các lần kiểm tra ở lớp ĐC và lớp TN được thể hiện qua các biểu đồ như sau (xem hình 2, hình 3).

Kết quả phân tích về phổ điểm và đường tích lũy điểm số cho thấy sự tương đồng về phân bố phổ điểm giữa lớp ĐC_TTN, ĐC_STN và lớp TN_TTN. Ở lớp TN_STN thể hiện phổ điểm và đường tích lũy sai khác nhiều so với 3 đường cong phân bố và tích lũy của ĐC_TTN, ĐC_STN, TN_TTN, TN_STN (biểu đồ 3). Trong đó, đối với lớp TN_TĐC và TN_SĐC, phổ điểm có thay đổi nhiều nhất từ 3 tới 10, thể hiện cụ thể như sau: điểm 4, 5, 6, 8 giảm dần từ 11% xuống 5%, 19% xuống 12%, 19% xuống 12%, 17% xuống 14% tương ứng; trong khi đó điểm 7, 9 và 10 có xu hướng tăng tương ứng từ 19% lên 25%, 7% lên 17%, 1% lên 5%. Kết quả này có liên quan đến việc tác động của quy trình rèn luyện kỹ năng ĐGĐĐ có thể đã làm nâng cao tỉ lệ HS đạt loại trung bình và khá giỏi. Kết quả này là phù hợp với phân tích kiểm định ở bảng 3 và phù hợp với các nghiên cứu trước đó về ĐGĐĐ của Lê Thị Tuyết Hằng và Lê Thanh Oai (2019).



Hình 2. Đường phân phối điểm số ở lớp DC_TTN, TN_TTN và lớp DC_STN, TN_STN



Hình 3. Đường tích lũy ở lớp đối lớp DC_TTN, TN_TTN và lớp DC_STN, TN_STN

- Về sự thay đổi kỹ năng ĐGĐĐ của HS: Để kiểm chứng sự thay đổi kỹ năng ĐGĐĐ của HS ở các lớp thực nghiệm và ĐC, chúng tôi đã đưa ra phiếu khảo sát mức độ các tiêu chí của kỹ năng ĐGĐĐ của HS và thu được kết quả trong bảng 4:

Bảng 4. Kết quả đối sánh kỹ năng ĐGĐĐ của HS ở lớp TN_TTN và STN

| Tiêu chí | Mức độ 1 | | Mức độ 2 | | Mức độ 3 | |
|------------------------------------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|
| | TTN | STN | TTN | STN | TTN | STN |
| 1. Thu nhận thông tin | 20,5% | 3,6% | 63,9% | 50,6% | 15,7% | 45,8% |
| 2. Rút ra nhận xét | 26,5% | 6,0% | 56,6% | 39,8% | 16,9% | 54,2% |
| 3. Định hướng cách thức điều chỉnh | 68,7% | 14,5% | 16,9% | 43,4% | 14,5% | 42,2% |

Kết quả phân tích trên 83 HS lớp TN trước và sau khi tiến hành TN cho thấy, có một vài thay đổi rõ rệt về các tiêu chí của kỹ năng ĐGĐĐ ở HS. Tỷ lệ HS đạt mức 3 của tất cả các tiêu chí ở giai đoạn STN đều tăng, Tiêu chí 1 tăng từ 15,7% lên 45,8%; tiêu chí 2 tăng từ 16,9% lên 54,2%; tiêu chí 3 tăng từ 14,5% lên 42,2% (bảng 4). Kết quả trên đây thể hiện phần nào tính hiệu quả của việc rèn luyện cho HS kỹ năng ĐGĐĐ.

3. Kết luận

Việc tổ chức rèn luyện cho HS kỹ năng ĐGĐĐ không chỉ có giá trị cho GV để có thể đánh giá được từng cá thể HS trong thời gian cố hạn của một tiết học, mà còn giúp HS có thể thông qua đánh giá bạn trong nhóm mà nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của mình để có thể định hướng cách điều chỉnh bản thân cho phù hợp. Thông qua đánh giá bạn, nhận xét bạn, HS rèn luyện và phát triển được các kỹ năng giao tiếp và hợp tác, tự chủ và tự học. ĐGĐĐ là một hình thức đánh giá tuy không mới nhưng việc rèn luyện cho HS kỹ năng này còn khá mới lạ đối với cả GV và HS. Do đó, để nâng cao hiệu quả rèn luyện cho HS, cần có các chương trình tập huấn cho GV cách thức thực hiện ĐGĐĐ cũng như cách xác định phương dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá để đảm bảo mỗi GV thực hiện nhuần nhuyễn hình thức đánh giá này.

Tài liệu tham khảo

- Boud, D., Cohen, R., & Sampson, J. (1999). Peer learning and assessment. *Assessment & Evaluation in Higher Education*, 24(4), 413-426.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Cao Thị Sông Hương (2016). Đánh giá trong dạy học dự án. *Tạp chí Giáo dục*, 379, 24-25.
- Lê Thị Tuyết Hằng, Lê Thanh Oai (2019). Rèn luyện kỹ năng tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng cho học sinh trong dạy học phần Sinh học vi sinh vật, Sinh học 10. *Tạp chí Giáo dục*, 445, 47-61; 47.
- Nguyễn Thị Dung (2016). Cấu trúc năng lực đánh giá, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng ở học sinh trong dạy học ở trường trung học phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 394, 31-33.
- Nguyễn Thị Thành Vân (2016). Một số hình thức đánh giá năng lực tự học giáo dục học của sinh viên. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 5*, 247-249.
- Topping, K. J. (2009). Peer assessment. *Theory into Practice*, 48(1), 20-27.